|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH ĐIỆN BIÊN**Số: /HĐND-BKTNSV/v xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh năm 2024. |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Điện Biên, ngày tháng 01 năm 2024* |

|  |  |
| --- | --- |
|  Kính gửi: | - Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên;- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; - Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. |

Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-HĐND, ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024; Nghị quyết số 162/NQ-TTHĐND, ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về Thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc “Thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2019-2023, trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

 Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả “việc thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2019-2023, trên địa bàn tỉnh”; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo *(theo đề cương gửi kèm),* gửi về Thường trực HĐND tỉnh (qua Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh) và gửi bản mềm theo địa chỉ Email: *chinhktauto@gmail.com* **trước ngày 20/3/2024**.

 Đề nghị UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện bảo đảm nội dung và thời gian theo yêu cầu./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận****:*-Như trên;- TT HĐND tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; - Các phòng: CT HĐND;- Lưu: VT. | **TM.THƯỜNG TRỰC HĐND** **CHỦ TỊCH**   **Lò Văn Phương** |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2019-2023, trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

 *(Kèm theo Công văn số /HĐND-BKTNS, ngày /01/2024 của Thường trực HĐND tỉnh)*

**PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG**

1. Đánh giá Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, quán triệt, tuyên truyền các văn bản của Chính phủ, bộ ngành, Trung ương và địa phương trong “việc thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng, giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn tỉnh”.

2. Việc tổ chức tập huấn ở cấp ngành, địa phương.

3. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện của Trung ương, địa phương trong “việc thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng, giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn tỉnh”.

*(Chi tiết Phụ lục 01 kèm theo)*

 **PHẦN II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công; các sở, ngành, đơn vị báo cáo kết quả triển khai thực hiện, tập trung vào một số nội dung chính sau:

**A. Việc thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 (số liệu đến hết 31/12/2023)**

**I. Kết quả thực hiện các nội dung giao đất giao rừng, cấp GCNQSD đất lâm nghiệp.**

**1.** **Việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn.**

**2. Rà soát việc giao đất:**

- Kết quả việc rà soát diện tích trong GCNQSDĐ đã cấp có rừng, không có rừng nhưng không đúng với thực địa hoặc sử dụng không đúng mục đích, chủ đất, chủ rừng đã di chuyển đi nơi khác, không phù hợp với quy hoạch 3 loại rừng ... để đính chính, điều chỉnh, cấp đổi, cấp mới, thu hồi hoặc giao lại cho cộng đồng thôn bản, bảo đảm phù hợp với quy hoạch 3 loại rừng và theo quy định.

- Diện tích đất rừng đã được bổ sung trong quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ lần đầu.

-Tổng diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ nhưng chưa được giao rừng ngoài thực địa, chưa được giao cho chủ sử dụng

**3. Rà soát việc giao rừng:**

- Kết quả rà soát hoàn thiện hồ sơ giao rừng, thuê rừng cho các chủ rừng đã được giao đất, thuê đất, cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp có rừng nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng: Rà soát quy hoạch 3 loại rừng; xác định trạng thái rừng, trữ lượng, nguồn gốc, diện tích rừng trên thực địa hiện nay thuộc phạm vi diện tích đã giao đất để hoàn chỉnh hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng.

- Hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp đã được giao rừng, thuê rừng nhưng chưa được giao đất, thuê đất, cấp GCNQSDĐ.

**4.** Kết quả thực hiện rà soát, hoàn chỉnh giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

**4.1.** Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện, tỉnh phải thực hiện đo đạc, cấp GCN QSĐ lâm nghiệp ?

**4.2.** Công tác rà soát, đo đạc thực địa, lập bản đồ địa chính?

- Đất lâm nghiệp có rừng

- Đất lâm nghiệp không có rừng

**4.3.** Việc hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp

- Đất lâm nghiệp có rừng

- Đất lâm nghiệp không có rừng

**5.** So sánh kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo với chỉ tiêu trong Kế hoạch rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên *(Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên và kế hoạch điều chỉnh).*

*(Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo)*

**6.** Công tác phối hợp của đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan trong thực hiện việc giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**7.** Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận QSDĐ và phối hợp xử lý tình trạng tranh chấp, vi phạm pháp luật đất đai của các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp;

**II. Kinh phí thực hiện rà soát, hoàn chỉnh giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn**

 **1. Tổng kinh phí, trong đó:**

- Ngân sách Nhà nước đảm bảo để thực hiện các bước lập, hoàn thiện hồ sơ giao đất, giao rừng, cho thuê rừng;

- Kinh phí do các tổ chức, doanh nghiệp xin giao đất, thuê đất lâm nghiệp chi trả;

- Các nguồn kinh phí, tài trợ hợp pháp khác.

**2.** Tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các năm (2019-2023) theo qui định của pháp luật.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 03 kèm theo)*

**III. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

 **B. Việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2019-2023 (số liệu đến hết 31/12/2023)**

 **I.** **Công tác quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng.**

 **1. Hiện trạng rừng:** Tổng diện tích rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) được thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng qua từng năm chi tiết đến các chủ rừng là: tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, trong đó cụ thể theo từng năm: 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 04 kèm theo)*

**2.** **Công tác quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng từ năm 2019 đến 31/12/2023**

- Tình hình ký kết hợp đồng và thu nộp tiền DVMTR, giải ngân tiền DVMTR.

- Sự tham gia cung ứng DVMTR của các bên liên quan các tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng: số lượng, nguyên tắc xác định đối tượng phải trả dịch vụ môi trường rừng, mức thu; số tiền phải nộp về quỹ Bảo vệ và phát triển rừng, số đã nộp hàng năm, số còn thiếu (nợ).

- Thực trạng tổ chức, cá nhân, hộ gia đình là chủ rừng được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng (số lượng, nguyên tắc xác định đối tượng chủ rừng được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng, hình thức chi trả; số tiền phải trả, số tiền đã trả, số chưa chi trả, lý do); việc chi trả cho hoạt động điều hành quỹ; chi cho các nội dung không xác định được đối tượng chi nhưng được phép chi; chi đầu tư cho các dự án phát triển rừng theo quy định.

- Tình hình cải thiện sinh kế của người dân, các hoạt động tăng cường năng lực.

- Công tác lập kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng (số thu, số chi, số miễn, giảm theo từng năm).

*(Chi tiết theo Phụ lục số 05,06 kèm theo)*

**II. Việc phối hợp và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện trong:** công tác giao rừng và công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng **(**xác định diện tích rừng; đơn giá; hệ số chi trả; thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán kinh phí dịch vụ môi trường rừng).

**III. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát liên quan đến quản lý rừng và dịch vụ môi trường rừng; kiến nghị và kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, giám sát. Những hình thức đã xử lý vi phạm (nếu có).**

**IV. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

**PHẦN III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**I. Đánh giá những kết quả đạt được trong, tổ chức triển khai thực hiện đến thời điểm báo cáo** (31/12/2023) “việc thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; chi trả dịch vụ môi trường rừng, giai đoạn 2019-2023 trên địa bàn tỉnh”.

**II. Xác định cụ thể những việc còn phải thực hiện**

1. Các nội dung tiếp tục thực hiện của việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2019-2023 (nếu có).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2024 và những năm tiếp theo.

**III. Trách nhiệm của các tập thể, cá nhân đối với những tồn tại, hạn chế.**

**PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với Quốc hội**

**1. Đối với Chính phủ**

**2. Đối với các bộ, ngành**

**3. Đối với tỉnh**

 ***Lưu ý:*** Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh xây dựng Báo cáo và chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quá trình triển khai thực hiện xây dựng báo cáo của các đơn vị (*theo đề cương gợi ý trên).* Các nội dung báo cáo ghi rõ số liệu dẫn chứng cụ thể về kết quả thực hiện; ngoài biểu mẫu theo đề cương có thể xây dựng thêm biểu mẫu phù hợp thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

 Các kiến nghị, đề xuất và giải pháp cần nêu cụ thể, xuất phát từ thực tế, đặc biệt là những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện theo từng nội dung.